

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2024/HC-PT

Ngày: 18-7-2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Văn Thường**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
ông **Đinh Phước Hòa.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 32/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2023/HC-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1213/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: 2 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ trụ sở: Số A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn N – Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: F C, phường T, thành phố B; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1960; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1990; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 2 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông H: Ông Nguyễn Xuân B; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2023, người khởi kiện là bà Lê Thị L trình bày:

Ngày 28/5/2012, bà Lê Thị L ký Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp số 128/Đ1-2014/HĐ với Công ty TNHH MTV C (sau đây gọi tắt là Công ty C) với diện tích đất nhận khoán là 6.200 m², số thửa 45; tờ bản đồ số 07; vị trí đất tại phường T, thành phố B; thời gian nhận khoán từ ngày 25/3/2014 đến hết ngày 31/12/2039.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m² đất sản xuất nông nghiệp của Công ty C, trong đó có 6.200 m² đất nhận khoán của hộ gia đình bà L.

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T đối với hộ gia đình bà L, bà L chỉ được bồi thường hỗ trợ 1.592.397.510 đồng, bao gồm các khoản sau: Bồi thường đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ ổn định đời sống và chấp hành tốt chính sách bàn giao mặt bằng; nhà và vật kiến trúc gắn liền với đất; cây cối hoa màu trên đất (chỉ tính cây trồng trong mật độ); hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất;

Tuy nhiên, UBND thành phố B sau khi thu hồi đất đã không hỗ trợ khác, không hỗ trợ cây trồng xen canh không đủ điều kiện được bồi thường (cây trồng vượt mật độ) là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014 /NĐ- CP ngày 18/5/2014 của Chính Phủ; khoản 3 điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì bà L được hỗ trợ khác.

Đối với cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện được bồi thường: Căn cứ Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp số 128/Đ1-2014/HĐ với Công ty C, thời gian nhận khoán từ 25/3/2014 đến hết ngày 31/12/2039, tức là trước ngày 01/7/2014 được áp dụng theo điểm c khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15-3-2022 của UBND tỉnh Đ.

Từ căn cứ pháp luật nêu trên, bà L đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc UBND thành phố B phê duyệt bổ sung nội dung hỗ trợ khác; hỗ trợ cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen canh (cây trồng không đủ điều kiện bồi thường) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người bị kiện là UBND thành phố B trình bày:

Bà Lê Thị L sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.200m², có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty C (Hợp đồng số 128/1-2014./HĐ). Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C (do Công ty giải thể), giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do bà L đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án hạ tầng giao thông khu dân cư tại phường T, tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019. Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà Lê Thị L là 1.592.397.510 đồng, bà Lê Thị L đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

- Đối với nội dung bà Lê Thị L khởi kiện đề nghị phê duyệt bổ sung hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ: Điều 18 và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ đều quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Trong hộ gia đình bà vừa có nhân khẩu là công nhân của Công ty C đã nghỉ thôi việc, vừa có nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên, do đó UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà với số tiền 562.832.571 đồng theo khoản 2, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ.

Theo Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Đ, tại nội dung thứ 3 có nêu rõ: "Trường hợp đã hỗ trợ, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo mức hỗ trợ tại Điều 18 thì không được hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 và ngược lại". Việc bà L đề nghị hỗ trợ khác theo khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở để thực hiện.

- Đối với nội dung khởi kiện buộc UBND thành phố B phê duyệt bổ sung cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen canh (cây trồng không đủ điều kiện bồi thường) theo điểm c, khoản 5, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ:

+Tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/04/2020 của UBND tỉnh Đ đã quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng vượt mật độ như sau: "Số cây trồng vượt mật độ trên 100% thì không được bồi thường". Đồng thời, không có quy định việc hỗ trợ đối với cây trồng vượt mật độ trên 100%.

+Tại khoản 5, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND hỗ trợ đối với cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện về bồi thường trước khi có Thông báo thu hồi đất, không có nội dung quy định hỗ trợ đối với cây trồng vượt mật độ trên 100%, do đó nội dung khởi kiện của bà Lê Thị L là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà L do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định pháp luật.

Do đó các nội dung khởi kiện của bà L là không có cơ sở xem xét giải quyết, đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2023/HC-ST ngày 16/11//2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B, bổ sung nội dung hỗ trợ khác cho hộ gia đình bà Lê Thị L theo quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, để xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B, phần nội dung không bồi thường, hỗ trợ cây trồng vượt mật độ trên 100% cho hộ gia đình bà Lê Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2023, người bị kiện là UBND thành phố B kháng cáo nội dung không chấp nhận bổ sung hỗ trợ khác cho hộ gia đình bà Lê Thị L theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B, bổ sung nội dung hỗ trợ khác cho hộ gia đình bà Lê Thị L theo quy định của pháp luật là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ:

[1.1] Tại khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013 quy định: "...2. Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:

a) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;

b) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở;

c) Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở;

d) Hỗ trợ khác."

Tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi;...*

Như vậy, hỗ trợ khác, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là những khoản hỗ trợ khác nhau, và hỗ trợ khác là khoản hỗ trợ do UBND tỉnh quyết định.

[1.2] Theo Khoản 3 Điều 20 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định đối tượng, điều kiện được hỗ trợ khác như sau:

+ Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

+ Thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP;

+ Diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T1 của các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý...,

+ Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả Hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn).

Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ không có quy định đối với trường hợp đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì không được hỗ trợ khác và ngược lại. Mặt khác, mức hỗ trợ theo Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND và mức hỗ trợ theo Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND là hai khoản hỗ trợ với mức hỗ trợ khác nhau.

[1.3] Trong khi đó bà L là người sử dụng đất do nhận khoán, được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bà L đang tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất, đối chiếu với quy định nêu trên, bà L đủ điều kiện được hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ.

[1.4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm UBND thành phố B không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại Đà Nẵng.

[2] Theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/04/2020 và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2023/HC-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B, bổ sung nội dung hỗ trợ khác cho hộ gia đình bà Lê Thị L theo quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, để xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B, phần nội dung không bồi thường, hỗ trợ cây trồng vượt mật độ trên 100% cho hộ gia đình bà Lê Thị L.

- Về án phí:

UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Lê Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Xuân B nộp thay) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003787 ngày 18/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004644 ngày 26/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, UBND thành phố B đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Thường